

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2018

V/v xin ly hôn giữa

Chị T - Anh T1.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Đức.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Bà Nguyễn Thị Huệ.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 327/2017/HNGĐ-ST ngày 20/12/2017 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXX-ST ngày 23/02/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-DS ngày 13/3/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kiều T**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn x, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Đình Ngọc T1**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa vắng mặt Anh T1, Chị T có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn được bổ sung bằng bản tự khai ngày 20/12/2017, nguyên đơn chị Lê Thị Kiều T trình bày: Chị và anh Đình Ngọc T1 tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã Q, huyện Q vào ngày 24/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q và đi làm ăn tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5 năm 2015 mâu thuẫn càng tăng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T1.

- Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là Đình Tùng D, sinh ngày 24/9/2013, hiện đang ở với anh T1 từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra chị đề nghị để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Đinh Ngọc T1: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh T1 lên Toà án để giải quyết việc ly hôn với Chị T đồng thời Toà án đã tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh T1 đến Toà án giải quyết việc ly hôn, nhưng anh T1 vẫn cố tình dấu địa chỉ và không đến Toà án giải quyết việc ly hôn, nên Toà án không ghi được lời khai của anh T1 và không tiến hành hoà giải được, tại phiên toà lần một và lần hai anh T1 vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa hôm nay việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Về quan hệ hôn nhân xử cho Chị T được ly hôn anh T1 vì mâu thuẫn đã trầm trọng, hai bên sống ly thân thời gian dài. Về quan hệ con chung xử giao con chung Đinh Tùng D, sinh ngày 24/9/2013 cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, Chị T nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú và Đăng ký nhân khẩu thường trú tại Thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 1 và lần 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đối với Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa lần 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Chị T và anh T1.

2. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị Kiều T và anh Đinh Ngọc T1 được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q vào ngày 24/4/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã Q và sau đó đi làm ăn tự do. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống đã phát sinh mâu thuẫn. Tháng 5/2015 mâu thuẫn càng tăng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Chị T đề nghị được ly hôn anh T1 và có đơn xin xử án vắng mặt.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, đối với anh T1, Toà án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ các giấy tờ cần thiết để anh T1 đến toà án tham gia hoà giải để vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh T1 vẫn cố tình vắng mặt và dấu địa chỉ. Như vậy anh T1 không có thiện chí hoà giải mối quan hệ hôn nhân giữa anh và Chị T. Qua xác minh cơ sở thôn B, xã Q và tại biên bản ghi lời khai ngày 29/01/2018 đối với bà Nguyễn Thị Kim L là mẹ đẻ anh T1 đều xác nhận hiện tại anh T1 đi làm ăn tự do, không cố định địa chỉ, nhưng vẫn thường xuyên đi về nhà tại thôn B, xã Q, anh T1 đã nhận giấy tờ tố tụng của Tòa án tổng đạt và đã biết việc Chị T xin ly hôn. Quan điểm của

bà L và cơ sở thôn B, xã Q đều đề nghị Tòa án quyết yêu cầu ly hôn của Chị T theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Chị T đều cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn anh T1. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa Chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của Chị T, xử cho Chị T được ly hôn anh T1 là có căn cứ.

3.Về con chung: Xét yêu cầu của Chị T về nuôi dưỡng con chung cho thấy, Chị T và anh T1 có 01 con chung là Đình Tùng D, sinh ngày 24/9/2013 hiện đang ở với anh T1 kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung hiện đang sinh sống ổn định học tập và được anh T1 nuôi dưỡng chu đáo, Chị T đề nghị giao con chung cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng và nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1 tháng. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của Chị T về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

4.Về tài sản: Chị T khai vợ chồng không có tài sản và không có nợ chung. Anh T1 vắng mặt và chưa có ý kiến gì về phần tài sản, do vậy phần tài sản cần tách ra khi nào có mặt anh T1, các đương sự có yêu cầu, Tòa án tiếp tục giải quyết.

5.Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1]Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Kiều T được ly hôn anh Đình Ngọc T1.

2]Về con chung: Xử giao con chung Đình Tùng D, sinh ngày 24/9/2013 cho anh Đình Ngọc T1 được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Kiều T nhận cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 3/2018 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

3] Về án phí: Chị Lê Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng Chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003508 ngày 20/12/2017 thành tiền án phí.

4] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

